

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HÒA THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Thuận

2. Ông Trần Văn Thạch.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1978; địa chỉ: Số 22/4A, ấp Trường Thiện, xã Trường Hòa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Quốc T, sinh năm 1974; địa chỉ: Số 22/4A, ấp Trường Thiện, xã Trường Hòa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 17 tháng 02 năm 2022, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N trình bày:

Chị và anh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Hòa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc. Nhưng khoảng 15 năm nay anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T mê chơi, cờ bạc, không phụ chị việc nhà. Chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Năm 2010, chị làm đơn xin ly hôn nhưng vì con đang nhỏ nên chị rút đơn về. Hiện nay chị và anh T vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm lẫn

nhau. Việc ai người đó làm, tiền bạc của ai người đó sử dụng. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Gia H, sinh ngày: 20-03-2001 và Trần Thị Yến N sinh ngày 17-01-2005. Hiện nay con chung Trần Gia H đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Chị xin nuôi con chung Trần Thị Yến N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Quốc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh T; Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Trần Gia H, sinh ngày: 20-03-2001 và Trần Thị Yến N, sinh ngày 17-01-2005. Con chung Trần Gia H đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Giao con chung Trần Thị Yến N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về án phí dân sự sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị N, anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án xét xử vắng mặt chị N, anh T theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2001, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trường Hòa, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3] Xét về mâu thuẫn vợ chồng: Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc. Nhưng khoảng 15 năm nay anh chị phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T mê chơi, cờ bạc, không phụ chị việc nhà. Chị đã khuyên nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Năm 2010, chị làm đơn xin ly hôn nhưng vì con đang nhỏ nên chị rút đơn về. Hiện nay chị và anh T vẫn sống chung nhà nhưng không còn quan tâm lẫn nhau. Việc ai người đó làm, tiền bạc của ai người đó sử dụng. Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn. Tòa án mời anh T lên Tòa án để hàn gắn vợ chồng nhưng anh T không lên. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng chị N, anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ vợ chồng. Căn cứ Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh T.

[4] Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Trần Gia H, sinh ngày: 20-03-2001 và Trần Thị Yên N, sinh ngày 17-01-2005. Hiện nay con chung Trần Gia H đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết. Chị xin nuôi con chung Trần Thị Yên N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Nguyên vọng của cháu N là được ở với mẹ. Tòa án mời anh T lên Tòa để thỏa thuận về việc nuôi con chung nhưng anh T không lên. Hội đồng xét xử giao con chung Trần Thị Yên N cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nhận xét và quan điểm nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị N là nguyên đơn phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc N với anh Trần Quốc T.

Chị Nguyễn Thị Ngọc N được ly hôn với anh Trần Quốc T.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Trần Gia H, sinh ngày: 20-03-2001 và Trần Thị Yến N, sinh ngày 17-01-2005.

- Con chung Trần Gia H đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Giao con chung Trần Thị Yến N cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc N phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí khởi kiện chị N đã nộp theo biên lai thu số 0020670 ngày 05-4-2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. thị xã Tây Ninh;
- CCTHADS. thị xã Tây Ninh;
- UBND. xã Trường Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Thị Bích Hằng